TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG** --- *Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST* *Ngày 02-7-2024* *V/v:"T/c ly hôn và nuôi con"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Ánh Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Anh Tuấn**

2. Ông **Nguyễn Thành Thái**

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Nguyễn Kiều Duyên**- Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: ông **Nguyễn Minh Vương** - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14/5/2024, Thông báo mở lại phiên tòa 04/2024/TB- TA ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Th**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bà Th có mặt tại phiên tòa

- Bị đơn: Ông **Danh M**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp A, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Ông Danh M vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Th trình bày:

Vào năm 2004 bà cùng anh Danh M thành lập gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian

chung sống, những năm đầu vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng trong cuộc sống, vợ chồng không hợp nhau thường xuyên cải vã nên sống không còn tình cảm và hạnh phúc. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên trong quá trình gải quyết và tại phiên tòa bà Th khởi kiện và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn cùng ông Danh M.

Về con chung: Bà và ông Danh M có 02 người con chung tên Danh Trường V, sinh ngày 06/08/2005 và Danh Thị Bảo H, sinh ngày 18/09/2011. Đối với con chung Danh Trường V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là con chung Danh Thị Bảo H, sinh ngày 18/09/2011 và tự nguyện không yêu cầu ông Danh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Th cam kết trong quá trình chung sống, bà và ông Danh M không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng bà nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

- *Đối với bị đơn ông Danh M*: Đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nhưng ông Danh M vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau*:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị Th khởi kiện xin ly hôn và nuôi con với bị đơn ông Danh M đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo

quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Do ông Danh M cư trú tại ấp A, xã M, huyện C nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Châu Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Danh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Th đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Vào năm 2004 bà Huỳnh Thị Th và ông Danh M chung sống với nhau, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, do đó quan hệ hôn nhân bà Th và ông Danh M là hợp pháp. Tuy nhiên bà Th trình bày trong thời gian chung sống bà và ông Danh M thường xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi và ông bà đã ly thân với ông Danh M từ năm 2020, từ khi ly thân đến nay ông bà không gặp nhau, không liên lạc và cũng không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau và hiện nay bà không còn tình cảm với Danh M.

Từ đó, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông Danh M không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Th đối với ông Danh M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[3] Về quan hệ nuôi con chung: Trong thời gian chung sống bà Th và ông Danh M có 02 người con chung tên Danh Trường V, sinh ngày 06/08/2005 và Danh Thị Bảo H, sinh ngày 18/09/2011, Bà Th yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung là Danh Thị Bảo H, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Đối với Danh Trường V hiện nay đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Danh M mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án để ông Danh M được biết, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến gì phản bác ý kiến của bà Th và cũng không có yêu cầu gì khác. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau đến nay con chung do bà Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hiện nay bà Th có nghề nghiệp và thu nhập ổn định có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con. Mặc khác tại biên bản ghi lời khai ngày 15/01/2024 cháu Danh Thị Bảo H có nguyện vọng ở với bà Th, vì vậy xét thấy

cần tiếp tục giao con chung cho bà Th nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho bà Th về quyền yêu cầu ông Danh M cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật nhưng bà xác định không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị Th trình bày trong thời gian chung sống ông, bà không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, việc này cũng đã được thông báo cho ông Danh M trong Thông báo thụ lý vụ án, nhưng đến nay bị đơn không có ý kiến gì phản bác hay có yêu cầu gì khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Huỳnh Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Th và ông Danh M.

2. Về con chung: Giao con chung là Danh Thị Bảo H, sinh ngày 18/09/2011 cho bà Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Th không yêu cầu ông Danh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Danh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Th phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001235 ngày 21/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

5. Bà Huỳnh Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Danh M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ánh Tuyết

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*